

Bản án số: 18/2022/DS- ST

Ngày 15/9/2022

V/V: “Tranh chấp về thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyên

Hội thẩm nhân dân : 1/ Bà Mai Thị Bình

2/ Ông Phạm Bá Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2022/TLST- DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXX- DSST ngày 02/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Th - sinh năm 1960

Địa chỉ: thôn 8, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

***Bị đơn:** UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Duy A - sinh năm 1960

Chức vụ: Chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình H - Chức vụ: Phó chủ tịch

UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (giấy ủy quyền ngày 31/5/2022). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Năm 1997, ông Nguyễn Văn Th làm hợp đồng với UBND xã N nhận xây dựng, nâng cấp trục đường liên xóm từ ngã tư Đông H xuống chợ và từ cột mốc N đến ngõ ông D, với số tiền 63.800.500đ. Sau khi thực hiện xây dựng xong hợp đồng, UBND xã N đã có văn bản nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng. Theo

như hợp đồng thì chậm nhất là đến tháng 12/1998 UBND xã N phải có trách nhiệm thanh toán hết số tiền xây dựng công trình cho ông Th. Nếu không thanh toán được thì UBND xã N phải chịu lãi suất Ngân hàng theo thời điểm. Nhưng kể từ đó cho tới nay đã hơn 23 năm, sau rất nhiều lần đến UBND xã N đề nghị được thanh toán nhưng hết lần này đến lần khác, qua thời kỳ ông Chủ tịch này đến ông Chủ tịch khác đều có lý do không thanh toán Hợp đồng cho ông. Đến tháng 12/2009 UBND xã N có thanh toán cho ông số tiền 10.000.000đ. Kể từ tháng 12/2009 cho đến nay ông đã nhiều lần đến UBND xã N đề nghị thanh toán cho ông nhưng UBND xã N không thanh toán.

Nay ông Th làm đơn khởi kiện ra Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết bảo vệ quyền lợi ích chính đáng cho ông. Ông Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết buộc UBND xã N phải trả cho ông số tiền gốc là 53.800.500đ và số tiền lãi từ tháng 12/1998 đến tháng 12/2009 là $63.800.500đ \times 1,5\%/tháng \times 12 \text{ năm} = 137.809.081đ$; tiền lãi từ tháng 12/2009 tạm tính đến tháng 3 năm 2022 là $53.800.500đ \times 1,5\%/tháng \times 12 \text{ năm} 03 \text{ tháng} = 118.630.102đ$. Tổng cộng tiền lãi là: $137.809.081đ + 118.630.102đ = 257.939.183đ$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: $53.800.500đ + 257.939.183đ = 311.739.683đ$ (Ba trăm mười một triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm tám ba đồng).

Ý kiến của bị đơn (ông Vũ Đình H người đại diện theo ủy quyền): Công nhận UBND xã N có nợ số tiền xây dựng của ông Nguyễn Văn Th đã làm đường giao thông cho UBND xã N đã được ký kết theo hợp đồng từ năm 1997. Tuy nhiên trải qua các thế hệ lãnh đạo nhưng vẫn không trả được cho ông Th. Hiện nay việc nợ nần về xây dựng làm đường với ông Th cũng không được bàn giao từ các đời Chủ tịch trước. Căn cứ vào hợp đồng đã được ký kết giữa các bên thì UBND xã N có trách nhiệm phải trả khoản nợ cho ông Th. Nhưng theo quan điểm thống nhất của UBND xã N chấp nhận trả số tiền gốc cho ông Th là 53.800.500đ, còn về phần tiền lãi thì do Ngân sách của xã còn khó khăn, nên xin ông Th không tính số tiền lãi này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Văn Th có đơn đề nghị TAND huyện N giải quyết Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền giữa ông Nguyễn Văn Th và UBND xã N, huyện N. Căn cứ khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 24/8/2022, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, UBND xã N vắng mặt lần thứ nhất nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án tiến hành xét xử có mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Nguyễn Văn Th hợp đồng làm đường giao thông cho UBND xã N, theo hợp đồng ngày 12/9/1997 và các biên bản phát sinh làm đường ngoài hợp đồng ngày 20/9/1997, ngày 29/10/1997 và ngày

30/10/1997. Theo cam kết các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng và các biên bản phát sinh làm đường ngoài hợp đồng thì ông Th đã thực hiện đúng và đã được UBND xã nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng và không phát sinh tranh chấp và theo đó UBND xã N phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Th tổng số tiền là: 63.800.500đ. Theo hợp đồng ngày 12/9/1997 tại mục III. Những điều khoản chung, trong đó có: Đến hết tháng 12/1998 bên A (UBND xã N) nếu không trả hết tiền, phải chịu lãi suất số tiền còn lại theo lãi tiền vay Ngân hàng ở thời điểm đó. Nhưng kể từ khi hết tháng 12/1998 ông Th đã nhiều lần đề nghị UBND xã N phải thanh toán số tiền trên cho ông, nhưng UBND xã N chưa trả. Tới đến tháng 12/2009 UBND xã N có thanh toán cho ông Th 10.000.000đ (Mười triệu đồng), kể từ đó đến nay ông Th đã nhiều lần đến UBND xã N đề nghị thanh toán số tiền còn lại là: 53.800.500đ (Năm mươi ba triệu tám trăm nghìn, năm trăm đồng); chiếu theo điều khoản của hợp đồng ngày 12/9/1997 về tính lãi số tiền còn nợ lại, nhưng UBND xã N qua nhiều thời kỳ lãnh đạo vẫn chưa thanh toán tiền cho ông Th.

Nay ông Th yêu cầu UBND xã N phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 53.800.500đ và số tiền lãi từ tháng 12/1998 đến tháng 12/2009 là: $63.800.500đ \times 1,5\% / \text{tháng} \times 12 \text{ năm} = 137.809.081đ$ và tiền lãi từ tháng 12/2009 tạm tính đến tháng 3 năm 2022 là $53.800.500đ \times 1,5\% / \text{tháng} \times 12 \text{ năm} 03 \text{ tháng} = 118.630.102đ$. Tổng cộng tiền lãi là: $137.809.081đ + 118.630.102đ = 257.939.183đ$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: $53.800.500đ + 257.939.183đ = 311.739.683đ$ (Ba trăm mười một triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm tám ba đồng).

Tại văn bản số 20/UBND ngày 05/5/2022 và các biên bản hòa giải ngày 05/7/2022 và ngày 27/7/2022, đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Vũ Đình H - Phó chủ tịch UBND xã N) trình bày: Công nhận UBND xã N có nợ số tiền xây dựng của ông Nguyễn Văn Th đã làm đường cho UBND đã được ký kết theo hợp đồng ngày 12/9/1997. Tuy nhiên trải qua các thế hệ lãnh đạo nhưng vẫn không trả được số tiền còn lại cho ông Th, hiện nay việc nợ nần về xây dựng làm đường với ông Th cũng không được bàn giao từ các đời chủ tịch trước. Căn cứ vào hợp đồng đã được ký kết giữa các bên thì UBND xã N có trách nhiệm phải trả khoản nợ trên cho ông Th là 53.800.500đ, còn về phần tiền lãi thì do ngân sách của xã còn khó khăn nên xin ông Th không tính lãi này. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Th buộc UBND xã N phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 53.800.500đ.

Về lãi suất: Trong hợp đồng ngày 12/9/1997 có điều khoản chung: Đến hết tháng 12/1998 bên A (UBND xã N) nếu không trả hết tiền, phải chịu lãi suất số tiền còn lại theo lãi suất vay ngân hàng ở thời điểm đó. Quá trình giải quyết vụ án, ông Th đề nghị UBND xã N phải trả lãi 1,5% /tháng tính từ tháng 12/1998 đến tháng 12/2009 trên số tiền là 63.800.500đ và tính từ tháng 12/2009 đến ngày xét xử 15/9/2022 trên số tiền là 53.800.500đ. UBND xã N không có ý kiến gì về mức lãi suất nhưng xin ông Th không tính về số tiền lãi này. Theo hợp đồng ngày 12/9/1997 thì ông Th tính tiền lãi với số tiền mà UBND xã N chưa thanh toán cho ông là có căn cứ chấp nhận. Nhưng mức lãi suất 1,5% tháng HĐXX thấy: theo

Quyết định số: 39/1998/QĐ - NHNN1 ngày 17/01/1998 của Ngân hàng Nhà nước thì mức trần lãi suất cho vay: cho vay ngắn hạn: 1,2%/tháng; cho vay trung hạn và dài hạn: 1,25%/tháng.

Tại phiên tòa ông Th cũng thống nhất tính mức lãi suất theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm năm 1998 là 1,25%/tháng.

Do vậy, HĐXX xét thấy cần áp dụng tính lãi suất 1,25%/tháng cho ông Th là phù hợp với quy định, cụ thể: từ tháng 12/1998 đến tháng 12/2009: $63.800.500đ \times 1,25\%/tháng \times 11 \text{ năm} = 105.270.825đ$; từ tháng 01/2010 đến ngày 15/9/2022 là: $53.800.500đ \times 1,25\%/tháng \times 12 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 102.557.165đ$. Tổng cộng lãi là: 207.827.990đ. Tổng cộng gốc và lãi là: $53.800.500đ + 207.827.990đ = 261.628.490đ$ làm tròn là 261.628.000đ (Hai trăm sáu mươi một triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Về án phí: Do UBND xã N phải trả toàn bộ số tiền mà ông Th yêu cầu nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Ông Th không phải chịu án phí DSST nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện N.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 280; Điều 468 BLDS; Quyết định số: 39/1998/QĐ -NHNN1 ngày 17/01/1998 của Ngân hàng Nhà nước; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th. Buộc UBND xã N huyện N, tỉnh Thanh Hóa trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền do hợp đồng xây dựng nâng cấp trục đường liên xóm còn nợ là 53.800.500đ và tiền lãi 1,25%/tháng được tính từ tháng 12/1998 đến tháng 12/2009 là 11 năm trên số tiền nợ $63.800.500 \times 1,25\%/tháng \times 11 \text{ năm} = 105.270.825đ$; từ tháng 01/2010 đến ngày xét xử 15/9/2022 là 12 năm 08 tháng 15 ngày trên số nợ $53.800.500đ \times 1,25\%/tháng \times 12 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 102.557.165đ$. Tổng cộng lãi là: 207.827.990đ.

Tổng cộng gốc và lãi là: $53.800.500đ + 207.827.990 = 261.628.490đ$, làm tròn là **261.628.000đ** (Hai trăm sáu mươi một triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được Thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải Thi hành án không Thi hành án thì hàng tháng người phải Thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân xã N phải chịu 13.081.000đ (Mười ba triệu không trăm tám mươi một nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Th tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.793.000đ (bảy triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014899 ngày 13/4/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Th, UBND xã N có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- THADS huyện N
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Tuyển